

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: **Ông Trần Thế H**, sinh năm 1968; Địa chỉ: xóm 6, xã Gia S, huyện V, tỉnh Ninh Bình

và Bị đơn: **Bà Vũ Thị D**, sinh năm 1975; Địa chỉ: xóm 6, xã Gia S, huyện V, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2023.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: **Ông Trần Thế H**, sinh năm 1968; Địa chỉ: xóm 6, xã Gia S, huyện V, tỉnh Ninh Bình

và Bị đơn: **Bà Vũ Thị D**, sinh năm 1975; Địa chỉ: xóm 6, xã Gia S, huyện V, tỉnh Ninh Bình

**2. Công nhận sự thoả thuận của ông Trần Thế H và bà Vũ Thị D về các vấn đề khác cụ thể như sau:**

**2.1: Về quan hệ con chung:** Ông Trần Thế H và bà Vũ Thị D cùng xác nhận vợ chồng có ba con chung: Cháu lớn là: Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 24/9/1993; cháu thứ

hai là Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 07/7/1997; cháu thứ ba là Trần Thế T, sinh ngày 03/3/2004. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành tự lập được cuộc sống nên ông H bà D không đề nghị toà án xem xét giải quyết. Do vậy về quan hệ con chung Tòa án không xem xét giải quyết

**2.2 Về tài sản và công nợ chung:** Ông Trần Thế H và bà Vũ Thị D không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy về tài sản chung, công nợ chung Tòa án không xem xét giải quyết.

**2.3 Về án phí:** Ông Trần Thế H phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ 150.000 đồng và trả lại ông Trần Thế H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0000867 ngày 16/11/2023.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục Thi hành án DS huyện V
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã S, huyện Nho Q, tỉnh N;
- L- u hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hà Thiện Thành**